

MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁCH THỨC TỔ CHỨC TỰ HỌC TRONG THỰC HÀNH TIỀN LÂM SÀNG VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Phạm Thị Mỹ Ngọc*, Trần Xuân Quỳnh, Bùi Công Minh

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email:ptmngoc@ctump.edu.vn

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Việc tự học sau các giờ học kỹ năng tiền lâm sàng đóng vai trò quan trọng giúp sinh viên rèn luyện thành thạo các kỹ năng Y khoa. Mỗi sinh viên phải có ít nhất 02 buổi tự học tại phòng tự học trong một học phần (2 tín chỉ) và đánh giá việc tự học qua thực hiện các bài tập kỹ năng được ghi lại thành các video clip. Các buổi tự học có sự hỗ trợ, giám sát của cán bộ phục vụ giảng dạy. Cách thức tổ chức tự học này đã cho thấy tác động tích cực lên kết quả học tập và hình thành năng lực lâm sàng cho người học. **Mục tiêu:** Xác định mối liên hệ giữa hoạt động tự học và kết quả học tập của sinh viên trong thực hành kỹ năng Tiền lâm sàng I tại đơn vị Huấn luyện kỹ năng (HLKN). **Phương pháp:** Nghiên cứu lý luận, phân tích tài liệu và can thiệp, kết hợp nghiên cứu định lượng và định tính, với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên có hệ thống, gồm 71 sinh viên thuộc nhóm đối chứng và 75 sinh viên thuộc nhóm thực nghiệm trong đó nhóm đối chứng là nhóm chỉ tự học bên ngoài (nhà, thư viện...); nhóm thực nghiệm được tự học tại HLKN, được trang bị đầy đủ dụng cụ và được đánh giá sản phẩm tự học (video clip). **Kết quả:** Đầu vào: không có sự khác biệt về điểm trung bình điểm thi đầu vào đại học giữa hai nhóm: nhóm đối chứng $19,9 \pm 7,82$ và nhóm thực nghiệm $21,2 \pm 7,03$ ($p = 0,305$, Independent sample T-Test). Đầu ra: Ngay sau khi can thiệp, trung bình điểm thi kết thúc Học phần Tiền lâm sàng I (OSCE), điểm học phần Tiền lâm sàng I của nhóm đối chứng lần lượt là $5,98 \pm 0,98$, $6,81 \pm 0,71$; thấp hơn nhóm thực nghiệm, lần lượt là $7,22 \pm 0,54$, $7,67 \pm 0,38$ ($p < 0,001$, Independent sample T-Test); sau tác động can thiệp 6 tháng, trung bình điểm của học phần Điều dưỡng cơ bản của nhóm đối chứng $8,47 \pm 0,77$; thấp hơn nhóm thực nghiệm $8,78 \pm 0,54$ ($p = 0,007$, Independent sample T-Test). **Kết luận:** Qua so sánh các dạng điểm trung bình trước can thiệp, ngay sau khi can thiệp và sau can thiệp đã cho thấy tác động tích cực của tự học lên kết quả học tập và góp phần hình thành năng lực lâm sàng cho người học.

Từ khóa: tự học, tiền lâm sàng.

ABSTRACT

RELATIONSHIP BETWEEN SELF-STUDY ORGANIZATION IN PRE-CLINICAL PRACTICE AND LEARNING RESULT OF STUDENTS AT CANTHO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

Phạm Thị Mỹ Ngọc, Trần Xuân Quỳnh, Bùi Công Minh

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Self-studying in learning preclinical skills take an important role in helping students to master medical skills. Each student must have at least 02 self-study sessions in the self-study room in a module (2 credits) and evaluate the self-studying through recording videos of practicing skills exercises. Self-study sessions are supported and supervised by service staff. Self-studying has shown an efficient impact on learning outcomes and building clinical capacity for students. **Objective:** This study aims to determine the relationship between self-study and learning result of student in the practice of pre-clinical in module I at Skillslab. **Materials and methods:** Document analysis, intervention methods with quantitative and qualitative research. There were systematic random sampling, including 71 students in the control group and 75 students in the experimental group in which the control group self-studied outside (at home, library...); the experimental group self-studied at Skillslab, was fully equipped with learning facilities and evaluated by self-study assignments (video clip). **Results:** Input: there was no difference in entrance exam scores: control group 19.9 ± 7.82 and experimental group 21.2 ± 7.03 ($p=0.305$, Independent sample T-Test). Output: after the intervention, the average test score of OSCE and module on the control group was 5.98 ± 0.98 , 6.81 ± 0.71 , lower than those on the experimental group: 7.22 ± 0.54 , 7.67 ± 0.38 ($p < 0.001$, Independent sample T-Test). After the 6-month intervention, the average test score of the basic nursing module on control group was 8.47 ± 0.77 ; lower than this

on the experimental group by 8.78 ± 0.54 ($p = 0.007$, Independent sample T-Test). **Conclusion:** By comparing different types of average scores before the intervention, immediately after the intervention and after the intervention, it has shown the efficient result of self-study on learning outcomes and contributing to master clinical competencies.

Keywords: self-study, pre-clinical.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hành kỹ năng Y khoa là một phần quan trọng không thể thiếu trong bất kỳ chương trình Y khoa đối với hệ bác sĩ và điều dưỡng [8]. Hầu hết sinh viên đều cảm thấy lo lắng, sợ làm sai, sợ nhầm lẫn, thiếu sót trong thao tác; tất cả những điều này liên hệ mật thiết với sự ít thực hành kỹ năng. Nếu sinh viên không thành thạo khi thực hiện thao tác kỹ năng thì họ sẽ giảm tự tin khi thực hành trên bệnh nhân. Và sự thành thạo chỉ có được khi tự học. Để từng bước hình thành ý thức tự học, theo G. Grow (2014), bậc đầu tiên là tổ chức tự học có sự hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ của người thầy; từ đó sẽ chuyển sang bậc cao hơn là tự học với sự hứng thú, với động lực tự học thật sự; để làm được điều này, đòi hỏi sự quan tâm, hỗ trợ, sự tổ chức có hiệu quả giúp sinh viên tự học [6]. Đơn vị Huấn luyện kỹ năng đã trang bị các phòng tự học, có hỗ trợ dụng cụ, mô hình, thiết bị y tế... giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng ngoài giờ học chính thức; quy định mỗi sinh viên phải có ít nhất 02 buổi tự học tại phòng tự học trong học phần (2 tín chỉ); và đánh giá việc tự học qua thực hiện các bài tập kỹ năng được ghi lại thành các video clip. Việc áp dụng mô hình quản lý tự học mới này liệu hiệu quả như thế nào? Chúng tôi tiến hành nghiên cứu (NC) nhằm xác định mối liên hệ giữa hoạt động tự học và hiệu quả đầu ra trong thực hành Tiền lâm sàng học phần I của sinh viên tại đơn vị Huấn luyện kỹ năng (HLKN).

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu và cỡ mẫu: Phương pháp nghiên cứu lý luận, phân tích tài liệu và can thiệp, kết hợp nghiên cứu định lượng và định tính. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 02 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018, cỡ mẫu 146 sinh viên ngành Răng hàm mặt, Y học dự phòng, Y học cổ truyền K41, với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên có hệ thống, trong đó 71 sinh viên thuộc nhóm đối chứng và 75 sinh viên thuộc nhóm thực nghiệm. Nhóm đối chứng là nhóm tự học thông thường, ngoài HLKN (nhà, thư viện..); nhóm thực nghiệm là nhóm tự học tại HLKN, được trang bị đầy đủ dụng cụ và được đánh giá sản phẩm tự học (video clip).

Kỹ thuật thu thập thông tin: bằng cách phương pháp: (1) Phương pháp phân tích tài liệu: tổng quan; phân tích, tập hợp, xây dựng cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu vấn đề tự học, tra cứu bảng điểm học tập của sinh viên bao gồm điểm đầu vào, điểm thi kết thúc học phần Tiền lâm sàng I, điểm thực hành lâm sàng học phần điều dưỡng; (2) Phương pháp thảo luận nhóm trọng tâm được tiến hành sau một năm sau khi nhóm thực nghiệm đã hoàn tất các học phần Tiền lâm sàng và đã được tham gia quy trình tự học theo quy định của đơn vị HLKN; (3) Phương pháp điều tra: Sử dụng phiếu hỏi nhằm mục đích tìm hiểu nhận thức của sinh viên về tự học..

Xử lý số liệu: Số liệu được xử lý theo phép toán thống kê và phần mềm SPSS 20.0, trong đó sử dụng giá trị trung bình và độ lệch chuẩn SD để mô tả độ tập trung và độ phân tán của dữ liệu; phép kiểm chứng T-test được sử dụng để đánh giá khả năng chênh lệch của giá trị trung bình giữa hai nhóm riêng biệt.

III. KẾT QUẢ

Đặc điểm chung của mẫu nghiên cứu

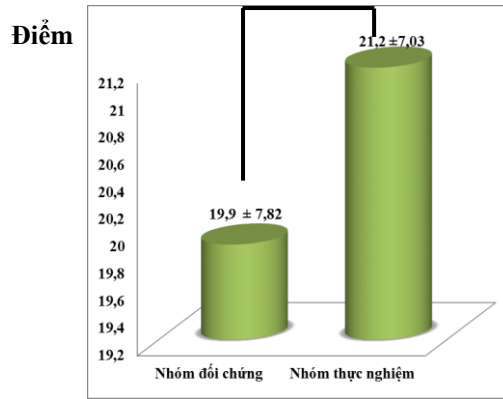
Bảng 1. Phân bố ngành học của nhóm nghiên cứu so với quần thể nghiên cứu

Ngành học	Khóa 41		Nhóm đối chứng		Nhóm thực nghiệm	
	N	Tỉ lệ	n	Tỉ lệ	n	Tỉ lệ
Răng hàm mặt	70	22,08	20	28,2	25	33,3

Y học cổ truyền	122	38,68	21	29,6	19	25,3
Y học dự phòng	125	39,44	30	42,3	31	41,4
Tổng	317	100	71	100	75	100

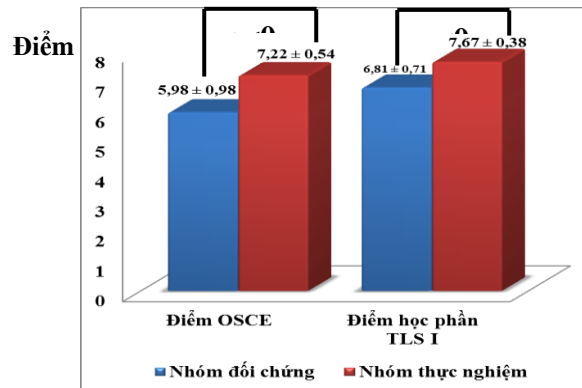
Nhận xét: Quần thể nghiên cứu có 317 sinh viên, tỷ lệ nam là 39,43%, nữ 60,57%. Tỷ lệ giữa các ngành: Y học dự phòng có số lượng sinh viên đông nhất là 39,44%, kế tiếp là Y học cổ truyền (38,68%), và Răng hàm mặt (22,08%).

Mối liên hệ giữa hoạt động tự học và hiệu quả đầu ra trong thực hành Tiên lâm sàng I của sinh viên tại đơn vị Huấn luyện kỹ năng



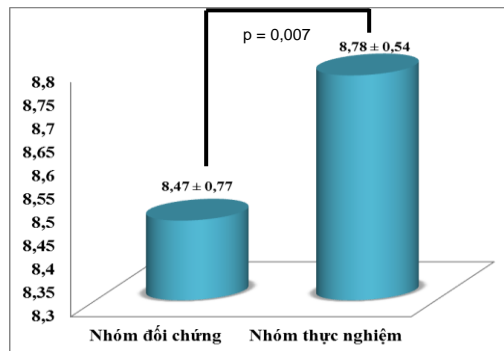
Biểu đồ 1. So sánh điểm đầu vào

Nhận xét: Trung bình điểm thi đầu vào đại học của nhóm đối chứng $19,9 \pm 7,82$ và nhóm thực nghiệm $21,2 \pm 7,03$; không có sự khác biệt giữa hai nhóm ($p = 0,305$, Independent sample T-Test).



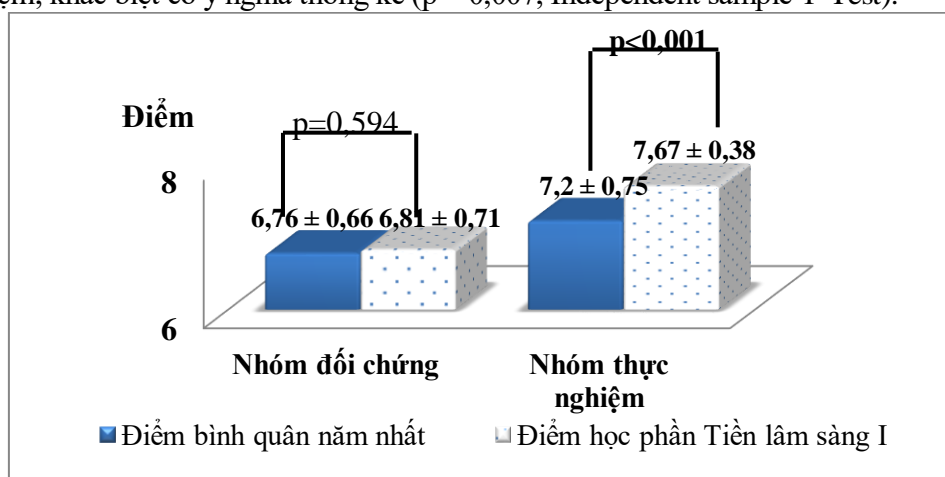
Biểu đồ 2. So sánh điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần Tiên lâm sàng I

Nhận xét: Trung bình điểm thi kết thúc Học phần Tiên lâm sàng I, điểm học phần Tiên lâm sàng I của nhóm đối chứng thấp hơn nhóm thực nghiệm; khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$, Independent sample T-Test).



Biểu đồ 3. So sánh điểm học phần Điều dưỡng cơ bản

Nhận xét: Trung bình điểm học phần Điều dưỡng cơ bản của nhóm đối chứng thấp hơn nhóm thực nghiệm; khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,007$, Independent sample T-Test).



Biểu đồ 4. So sánh điểm bình quân năm nhất và điểm học phần Tiên lâm sàng I

Nhận xét: Ở nhóm đối chứng, trung bình điểm bình quân năm nhất không khác biệt có ý nghĩa thống kê so với điểm học phần Tiên lâm sàng I ($p = 0,594$, Paired-Samples T Test). Ở nhóm thực nghiệm, trung bình điểm bình quân năm nhất thấp hơn có ý nghĩa thống kê so với điểm trung bình học phần Tiên lâm sàng I ($p < 0,001$, Paired-Samples T Test).

IV. BÀN LUẬN

Đặc điểm chung của mẫu nghiên cứu

Có sự phân bố phù hợp giữa cỡ mẫu nghiên cứu và quần thể nghiên cứu. Có sự tương đồng về tỷ lệ trong phân bố sinh viên của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

Mối liên hệ giữa hoạt động tự học và hiệu quả đầu ra trong thực hành Tiên lâm sàng I của sinh viên tại đơn vị Huấn luyện kỹ năng ($n = 71$)

So sánh điểm đầu vào: không có sự khác biệt về điểm trung bình điểm đầu vào đại học, nhóm đối chứng $19,9 \pm 7,82$ và nhóm thực nghiệm $21,2 \pm 7,03$; nói lên sự tương đồng về đầu vào của hai nhóm (biểu đồ 1). So sánh ngay sau khi can thiệp: trung bình điểm thi OSCE và điểm học phần Tiên lâm sàng I của nhóm đối chứng lần lượt là $5,98 \pm 0,98$, $6,81 \pm 0,71$; thấp hơn trung bình các điểm này của nhóm thực nghiệm, lần lượt là $7,22 \pm 0,54$, $7,67 \pm 0,38$ (biểu đồ 2). Như vậy, kết quả can thiệp cho thấy việc tự học tại HLKN rất quan trọng và cần thiết cho sinh viên.

“Nếu không tự học tại Skillslab thì không thể rèn luyện tự tin, thành thạo thao tác được, và kết quả học không tốt” (CYHDP -M18),

“Lúc ở Tiên lâm sàng I, em chưa thấy hết việc cần thiết của tự học tại HLKN, em nghĩ tự học ở nhà là đủ; nhưng khi tự học tại học phần tiên lâm sàng II, em mới thấy việc tự học tại nhà là chưa đủ, vì không có bạn bè góp ý và không có dụng cụ” (CYHCT -F02).

Sinh viên đi thực hành lâm sàng (học phần Điều dưỡng cơ bản) sau sáu tháng. So sánh cho thấy: trung bình điểm học phần Điều dưỡng cơ bản của nhóm đối chứng $8,47 \pm 0,77$; thấp hơn trung bình điểm này của nhóm thực nghiệm $8,78 \pm 0,54$. Có thể nói tự học tác động phần nào đến năng lực thực hành lâm sàng của người học (biểu đồ 3).

Ở nhóm đối chứng, trung bình điểm bình quân năm nhất là $6,76 \pm 0,66$ không khác biệt có ý nghĩa thống kê so với điểm Tiên lâm sàng I $6,81 \pm 0,71$. Đây là nhóm không có thực hiện tự học theo quy định, kết quả học tập không khác biệt giữa điểm trước can thiệp và điểm sau can thiệp. Ở nhóm thực nghiệm, trung bình điểm bình quân năm nhất là $7,2 \pm 0,75$, thấp hơn có ý nghĩa thống kê so với điểm trung bình học phần Tiên lâm sàng I $7,67 \pm 0,38$, chứng tỏ tự học tác động hiệu quả tức thời lên kết quả học tập (biểu đồ 4).

V. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu cho thấy tất cả sinh viên đều đồng thuận về hiệu quả của việc tự học trong học tập nói chung và cách thức quản lý, đánh giá sản phẩm tự học tại Huấn luyện kỹ năng. Qua so sánh kết quả học tập của nhóm có can thiệp về tự học đã cho thấy tác động tích cực của tự học lên kết quả học tập và hình thành năng lực lâm sàng cho người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đề cương chi tiết học phần Tiên lâm sàng I – Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
 2. Đoàn Thị Ngọc Trang, Nguyễn Quang Giao (2010), “*Hoạt động tự học của sinh viên Khoa Quốc tế học Trường Đại học Ngoại Ngữ - ĐHQĐN trong phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ*”, Tuyển tập Báo cáo Hội nghị Sinh viên Nghiên cứu Khoa học lần thứ 7 Đại học Đà Nẵng năm 2010
 3. Chương trình kế hoạch năm học 2017-2018 – Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
 4. Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Văn Hiên, Phương Diễm Hương (2010), *Thực trạng kỹ năng tự học ngoài lớp học của sinh viên chính quy sư phạm trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*
 5. Addis A.G.; Shahrazad G. (2015), *A self directed in learning among undergraduate Nursing students in school of nursing and Midwifery, TUMS Tehran, Iran*
 6. G.Grow (2014), *Theories of Teaching and Learning: The Staged Self-Directed Learning Model.*
 7. Long H.B, A.S. Morin (1996), *The relationship between self directed learning readiness and academic performance in a nontraditional higher education program*
 8. The King’s Fund, 1993 and GMC report “*Tomorrow’s Doctor*”, 2002
(Ngày nhận bài: 21/9/2019- Ngày duyệt đăng: 09/11/2019)
-